

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẦU GIÁ

(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày /3/2022 của Sở Tài chính)

STT	Tọa độ tàu chìm	Vị trí địa lý	Loại tàu	Chất liệu vỏ tàu	Độ sâu chìm tàu (m)	Độ sâu vùi lấp (m)	Kích thước tàu chìm (ước tính) (DxRxC)m	Hàng hóa chở trên tàu	Nhiên liệu còn lại	Ghi chú
1	14 ⁰ 05'049''N - 109 ⁰ 16'044''E	Cách cửa biển Đề Gi khoảng 4 hải lý về hướng Đông	Vận tải	Vỏ sắt	52	Khoảng (3,0÷ 7,0)	100 x 22 x 5	Không	Không	Chìm nghiêng, gãy vỡ; trục vớt được ca bin, boong, một phần thân tàu
2	14 ⁰ 21'312''N - 109 ⁰ 17'891''E	Cách Mũi Đò Bồng Sơn khoảng 5 hải lý về hướng Đông	Vận tải	Vỏ sắt	68	Khoảng (5,0÷ 7,0)	110 x 24 x 8	Không	Không	Chìm ngửa, gãy vỡ; trục vớt được ca bin, một phần boong, thân tàu
3	13 ⁰ 38'654''N - 109 ⁰ 32'829''E	Cách bán đảo Phương Mai khoảng 16 hải lý về hướng Đông	Vận tải	Vỏ sắt	162	Khoảng (5,0÷ 8,0)	120 x 25 x 10	Không	Không	Chìm úp, bùn, cát vùi lấp gần hết ca bin, boong, thân; trục vớt được một phần boong, thân tàu
4	13 ⁰ 45'157''N - 109 ⁰ 29'013''E	Cách bán đảo Phương Mai khoảng 18 hải lý về hướng Đông Bắc	Vận tải	Vỏ sắt	140	Khoảng (5,0÷ 8,0)	120 x 25 x 9	Không	Không	Chìm ngửa, bì vùi lấp, gãy vỡ trên diện tích rộng; trục vớt được một phần ca bin, boong, thân tàu
5	13 ⁰ 56'575''N - 109 ⁰ 24'334''E	Cách cửa biển Đề Gi khoảng 14 hải lý về hướng Đông	Vận tải	Vỏ sắt	125	Khoảng (1,0÷ 2,0)	110 x 22 x 10	Không	Không	Chìm nghiêng, gãy vỡ; trục vớt được ca bin, boong, thân tàu